

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai thực hiện Chương trình dân số và phát triển**  
**trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình dân số và phát triển đến năm 2030<sup>1</sup>, thành phố Hải Phòng đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp và đạt được những kết quả tích cực: mức sinh thay thế cơ bản được duy trì; quy mô dân số ổn định; chất lượng dân số từng bước được nâng cao; công tác truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được quan tâm thực hiện.

Tuy nhiên, công tác dân số vẫn còn một số vấn đề cần tập trung giải quyết như mức sinh chưa đồng đều giữa các địa bàn, tỷ số giới tính khi sinh còn cao, già hóa dân số diễn ra nhanh, yêu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ngày càng tăng và xu hướng giảm sinh có nguy cơ ảnh hưởng đến cơ cấu dân số trong những năm tới. Đồng thời, hệ thống chính sách, pháp luật về dân số đã có nhiều thay đổi, trong đó có Luật Dân số năm 2025 và các văn bản hướng dẫn, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035<sup>2</sup>.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Chương trình dân số và phát triển đến năm 2030, bảo đảm thống nhất với quy định pháp luật mới và phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện các Chương trình dân số và phát triển trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, với các nội dung sau:

<sup>1</sup> Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Quyết định số 1116/QĐ-TTg ngày 22/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

<sup>2</sup> Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số; Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của các Chương trình dân số và phát triển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2030; tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bảo đảm phù hợp với Luật Dân số, các văn bản hướng dẫn thi hành và tình hình thực tiễn của thành phố.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dân số và phát triển; thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về duy trì vững chắc mức sinh thay thế, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, mở rộng tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh, sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phát triển nguồn nhân lực và đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác dân số.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương; huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và người dân trong triển khai thực hiện các Chương trình dân số và phát triển; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động thích ứng với già hóa dân số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

### **2. Yêu cầu**

- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện; bảo đảm đồng bộ, thiết thực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

## **II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

**1. Thời gian:** thực hiện từ năm 2026 đến năm 2030.

**2. Phạm vi:** Triển khai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các Chương trình dân số và phát triển trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030; giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số; duy trì vững chắc mức sinh thay thế, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, chủ động thích ứng với già hóa dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe; đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ

liệu chuyên ngành dân số; kiện toàn tổ chức, phát triển nguồn nhân lực làm công tác dân số, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của thành phố đến năm 2030.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

### **2.1. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình**

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt và duy trì ở mức 55% và giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- 100% cơ sở y tế trên địa bàn thành phố có cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD) đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- 100% Trạm Y tế xã, phường, đặc khu đủ khả năng cung cấp các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, y tế thôn, tổ dân phố theo quy định.

- 100% Trạm Y tế xã, phường, đặc khu cung cấp dịch vụ KHHGD và các biện pháp tránh thai lâm sàng;

- 100% xã, phường, đặc khu tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD, sử dụng biện pháp tránh thai, các biện pháp dự phòng vô sinh; hậu quả, hệ lụy của phá thai nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.

### **2.2. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh**

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh ít nhất 04 bệnh bẩm sinh phổ biến gồm hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau và bệnh Thalassemia đạt 70%.

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc ít nhất 05 bệnh bẩm sinh phổ biến gồm suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh và bất thường tim bẩm sinh nặng đạt 90%.

- 90% xã, phường, đặc khu có điểm hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn.

### **2.3. Thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh**

- Trung bình mỗi năm giảm ít nhất 0,4 điểm phần trăm tỷ số giới tính khi sinh.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin và hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh;

- 100% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật

về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- 95% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông.

- 95% vị thành niên/thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi.

#### **2.4. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

- 100% cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch, đầu tư ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- 85% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi.

- Từ năm 2026, người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập hồ sơ theo dõi quản lý sức khỏe. Đến năm 2030, có ít nhất 90% người cao tuổi được phát hiện, điều trị, quản lý các bệnh không lây nhiễm (ung thư, tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, sa sút trí tuệ...).

- 90% người cao tuổi có khả năng tự chăm sóc được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe.

- 100% người cao tuổi không có khả năng tự chăm sóc được chăm sóc bởi gia đình và cộng đồng.

- 100% Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi có nội dung chăm sóc sức khỏe.

- 90% số xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi, có ít nhất 01 đội tình nguyện viên tham gia chăm sóc người cao tuổi.

- Ít nhất 20% số xã, phường, đặc khu thí điểm, phát triển mô hình cơ sở chăm sóc người cao tuổi ban ngày.

- Thành phố có ít nhất 01 cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo hình thức xã hội hóa.

- 100% người cao tuổi khi bị bệnh được khám và điều trị.

- 100% người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được khám và điều trị tại nơi ở.

- Thành phố có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa tuyến thành phố có chuyên khoa lão khoa đạt 100%.

#### **2.5. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp**

- Đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

- 95% trở lên công chức được bồi dưỡng kiến thức dân số cơ bản; 100% viên chức làm công tác dân số được bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.

- Tối thiểu 90% nhân viên y tế cung cấp thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các Trung tâm Y tế, Trạm y tế có đủ kiến thức, kỹ năng để cung cấp các dịch vụ dân số và phát triển.

- Tối thiểu 80% lãnh đạo Trung tâm Y tế, Trạm y tế được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý dân số và phát triển, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác dân số và phát triển được giao.

- Hàng năm, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyên môn cho cộng tác viên dân số theo nhu cầu và khả năng của các địa phương.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dân số và phát triển**

- Tổ chức quán triệt, phổ biến và triển khai nghiêm túc Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và các văn bản, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế về công tác dân số và phát triển, trọng tâm là Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020; Quyết định số 1116/QĐ-TTg ngày 22/6/2026; Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020; Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020; Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 và Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác dân số và phát triển; xác định công tác dân số là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và từng địa phương.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật về dân số để tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.

##### **2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục về dân số và phát triển**

- Đổi mới nội dung, hình thức và phương thức truyền thông theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và đặc điểm văn hóa - xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông hiện đại.

- Tập trung truyền thông về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số; duy trì mức sinh thay thế; giảm mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hóa dân số; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; tư vấn, khám sức khỏe

trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sơ sinh và thực hiện chính sách dân số.

- Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi đối với thanh niên, vị thành niên, nam nữ chuẩn bị kết hôn, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, người cao tuổi và người chăm sóc người cao tuổi.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về bình đẳng giới, quyền và trách nhiệm trong thực hiện chính sách dân số; vận động người dân không lựa chọn giới tính thai nhi và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và đội ngũ cộng tác viên dân số trong công tác truyền thông.

### **3. Bảo đảm cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản có chất lượng**

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản từ thành phố đến cơ sở; bảo đảm người dân được tiếp cận thuận tiện, bình đẳng với các dịch vụ và phương tiện tránh thai hiện đại.

- Nâng cao chất lượng tư vấn, cung cấp phương tiện tránh thai, chăm sóc sức khỏe sinh sản; chú trọng nhóm vị thành niên, thanh niên, công nhân, người lao động, người dân tại địa bàn khó khăn và các nhóm có nhu cầu đặc thù.

- Bảo đảm các cơ sở y tế thực hiện đúng quy định chuyên môn về cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tăng cường đào tạo, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế.

- Tăng cường truyền thông, tư vấn nhằm giảm mang thai ngoài ý muốn, đặc biệt ở vị thành niên, thanh niên; nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản và phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

### **4. Mở rộng sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn**

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; từng bước nâng cao năng lực chuyên môn, trang thiết bị và chất lượng dịch vụ tại các cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ thanh niên thực hiện khám sức khỏe, xét nghiệm và tư vấn các bệnh, tình trạng sức khỏe có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân và thế hệ tương lai.

- Tăng cường phát hiện sớm, tư vấn, quản lý và can thiệp đối với các trường hợp có nguy cơ; thực hiện chuyển tuyến phù hợp theo quy định chuyên môn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

### **5. Thực hiện các giải pháp giảm mất cân bằng giới tính khi sinh và bảo đảm bình đẳng giới**

- Tăng cường truyền thông, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về giá trị của trẻ em gái, bình đẳng giới và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

- Lòng ghép nội dung bình đẳng giới, giới và mất cân bằng giới tính khi sinh trong chương trình giáo dục, hoạt động truyền thông và các hoạt động cộng đồng.

- Theo dõi, phân tích biến động tỷ số giới tính khi sinh theo từng địa bàn để có giải pháp can thiệp phù hợp.

## **6. Chủ động thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, tại trạm y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh quản lý sức khỏe người cao tuổi, phát hiện sớm và quản lý các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp và lập hồ sơ quản lý sức khỏe người cao tuổi theo quy định; chú trọng người cao tuổi thuộc nhóm có nguy cơ cao, người cao tuổi cô đơn, người cao tuổi mắc bệnh mạn tính, người cao tuổi khuyết tật hoặc phụ thuộc.

- Phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng; duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, đội tình nguyện chăm sóc người cao tuổi.

- Khuyến khích phát triển các mô hình chăm sóc ban ngày, chăm sóc dài hạn và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo hướng đa dạng, phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

- Tăng cường hướng dẫn người cao tuổi và người chăm sóc về dinh dưỡng, vận động, phòng ngừa bệnh tật, sử dụng thuốc an toàn và tự chăm sóc sức khỏe.

- Củng cố, phát triển năng lực chuyên môn về lão khoa tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; từng bước đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số.

## **7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác dân số và phát triển**

- Rà soát, củng cố đội ngũ làm công tác dân số các cấp; bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về dân số và phát triển cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên y tế và cộng tác viên dân số.

- Chú trọng đào tạo về tư vấn, cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và quản lý bệnh không lây nhiễm.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực phân tích, sử dụng dữ liệu dân số phục vụ hoạch định chính sách và quản lý nhà nước.

## **8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dữ liệu dân số**

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và cung cấp dịch vụ về dân số và phát triển; từng bước kết nối, chia sẻ

và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu theo quy định.

- Nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật, quản lý và phân tích thông tin, số liệu dân số; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất và phục vụ công tác quản lý.

- Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và các vấn đề dân số mới phát sinh.

- Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu sức khỏe theo quy định của pháp luật.

### **9. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực**

- Bảo đảm nguồn lực từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối hằng năm; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ, địa bàn và nhóm đối tượng cần thiết.

- Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu về dân số và phát triển.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc người cao tuổi.

- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực.

### **10. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá và hợp tác**

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và phát triển; chú trọng các lĩnh vực như cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch; kịp thời xác định khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp.

- Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, già hóa dân số và chăm sóc người cao tuổi theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách hằng năm, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân thành

phổ ban hành các văn bản tăng cường quản lý về công tác dân số, chỉ đạo việc phối hợp và lồng ghép giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan trong tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục, thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực dân số.

- Tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, kịp thời cập nhật kiến thức và kỹ năng quản lý về dân số và phát triển, các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số.

- Chủ động xây dựng hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; đồng thời, kiểm tra, giám sát việc triển khai nội dung của Kế hoạch trên địa bàn thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Định kỳ hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

## **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động chăm sóc y tế trường học, phòng chống bệnh tật học đường; triển khai mô hình dinh dưỡng học đường, kiểm soát thừa cân béo phì và suy dinh dưỡng cho học sinh; triển khai thực hiện "Trường học nâng cao sức khỏe"; đổi mới phương pháp, đưa nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới lồng ghép vào các môn học chính khóa và ngoài giờ lên lớp phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động tư vấn, giáo dục kỹ năng phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, giảm nạo phá thai cho vị thành niên, học sinh. Đưa nội dung ngăn chặn, phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh vào nhà trường thông qua tích hợp vào chương trình, tài liệu, tổ chức sinh hoạt ngoại khóa.

## **4. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy làm công tác dân số và trẻ em các cấp; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân số và trẻ em trên địa bàn thành phố; phối hợp nghiên cứu cơ chế phát triển nguồn nhân lực là người cao tuổi.

## **5. Sở Tư pháp**

Phối hợp với Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, trong đó chú trọng các quy định về phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

## **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý dữ liệu dân số của thành phố.

- Ưu tiên bố trí các nguồn lực để triển khai các nghiên cứu, ứng dụng công

nghệ, kỹ thuật tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh, phòng bệnh Thalassemia; dự phòng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

### **7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển gắn với công tác gia đình.

- Phối hợp hướng dẫn địa phương lồng ghép nội dung về chính sách dân số và phát triển trong hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

- Phối hợp lồng ghép tuyên truyền các nội dung về dân số và phát triển trong hoạt động văn hoá, thể thao, công tác gia đình và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”

### **8. Thống kê thành phố**

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến lĩnh vực, chuyên môn thống kê chuyên ngành dân số và phát triển.

### **9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu**

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về dân số và phát triển trên địa bàn; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và phát triển; chú trọng các nội dung về duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, bình đẳng giới, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, thích ứng với già hóa dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Phối hợp với các cơ sở y tế trên địa bàn tổ chức cung cấp, giới thiệu và tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo quy định.

- Rà soát, nắm tình hình các nhóm dân cư, nhóm đối tượng cần được quan tâm trên địa bàn; phối hợp với cơ quan y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan trong tuyên truyền, tư vấn, vận động và hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ dân số và chăm sóc sức khỏe phù hợp.

- Chủ trì triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; khuyến khích, hỗ trợ duy trì và phát triển các câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, các mô hình chăm sóc người cao tuổi phù hợp với điều kiện của địa phương; quan tâm người cao tuổi cô đơn, có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh mạn tính hoặc hạn chế khả năng tự chăm sóc.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh, các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật về dân số đến cơ quan có thẩm quyền.

- Bố trí, sử dụng nguồn lực theo khả năng cân đối ngân sách và quy định về phân cấp ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ dân số và phát triển trên địa bàn; chủ động lồng ghép với các chương trình, đề án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của thành phố trong việc thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin, số liệu dân số; thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu dân số theo quy định, bảo đảm chính xác, kịp thời và bảo mật thông tin cá nhân.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; định kỳ và đột xuất báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và phát triển.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố**

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.

- Lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong các cuộc vận động, phong trào thi đua và hoạt động của Mặt trận; phát huy vai trò của các tổ chức thành viên, Ban công tác Mặt trận và lực lượng nòng cốt ở cộng đồng trong vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số.

- Thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo quy định; nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng và phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân về công tác dân số và phát triển đến cơ quan có thẩm quyền.

- Phối hợp vận động, huy động các nguồn lực xã hội và phát huy vai trò của các tổ chức thành viên tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình dân số và phát triển trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030; Kế hoạch này được triển khai thống nhất trên địa bàn thành phố Hải Phòng sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thay thế các kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính có cùng nội dung hoặc liên quan đến việc thực hiện các chương trình dân số và phát triển đến năm 2030.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục kế thừa, phát huy kết quả thực hiện, các mô hình, nhiệm vụ đã triển khai có hiệu quả theo các kế hoạch trước đây; đồng thời rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và theo các quy định, hướng dẫn hiện hành.

Đối với các nhiệm vụ, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính và còn thời hạn thực hiện, các cơ quan,

đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động và phù hợp với Kế hoạch này.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các ở, ban, ngành thành phố, các phòng, đơn vị thuộc Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 10/12 hàng năm, gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế theo quy định. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBND thành phố;
- UB MTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, PCVP Nguyễn Thanh Hùng;
- Phòng: VX, NV&KTGS;
- Lưu: VT, T.V. Hải.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Trọng Đức**